

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **171/2019/HNGĐ-ST**;
Ngày: 09/4/2019.
V/v “*Xin ly hôn*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Kim Loan**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoa Kiều;

2. Ông Nguyễn Trung Trực;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thủy Uyên**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Minh Thanh** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 16/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **LÊ VĂN S** - sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp LH, xã QL, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

2. Bị đơn: **PHAN THỊ LỆ M** - sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp LH, xã QL, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

(Anh S có mặt, chị M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn và các lời trình bày tại tòa nguyên đơn anh Lê Văn S trình bày:*

Anh và chị Phan Thị Lệ M tự nguyện cưới nhau và sống chung từ năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QL, huyện Chợ Gạo. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Anh chị đã ly thân từ năm 2011 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh xin được ly hôn với chị M.

Về con chung: Có 02 con tên Lê Thị Ngọc L – sinh ngày 16/7/2002 và Lê Văn Minh T – sinh ngày 20/02/2004, hiện đang sống với anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn chị Phan Thị Lệ M đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị M nhưng chị không đến tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của anh S.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ và ý kiến của nguyên đơn:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Lê Văn S và chị Phan Thị Lệ M tự nguyện sống chung từ năm 2001 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QL. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là “xin ly hôn”.

Bị đơn chị Phan Thị Lệ M hiện cư trú ấp LH, xã QL, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn chị Phan Thị Lệ M đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị M vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị M theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Văn S, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa hôm nay, anh S vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị M do quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc nên anh chị đã ly thân từ năm 2011. Anh S và chị

M có thời gian ly thân kéo dài, anh chị đều không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm với nhau. Chị Phan Thị Lệ M vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị vẫn không đến để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của anh S, chứng tỏ chị không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh S. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh S và chị M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh S yêu cầu ly hôn với chị M là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: Có 02 con tên Lê Thị Ngọc L – sinh ngày 16/7/2002 và Lê Văn Minh T – sinh ngày 20/02/2004, hiện đang sống với anh S. Xét thấy hiện nay cháu L và cháu T đang sống ổn định với anh S, tại bản tự khai gửi cho Tòa án cháu L và cháu T cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng anh, chị M không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu nuôi con của anh S, do đó việc anh S yêu cầu được nuôi con là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh S trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: Do anh S là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên anh S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê Văn S.

[1] Về hôn nhân: Anh Lê Văn S được ly hôn với chị Phan Thị Lệ M.

[2] Về con chung: Giao hai con chung tên Lê Thị Ngọc L – sinh ngày 16/7/2002 và Lê Văn Minh T – sinh ngày 20/02/2004 cho anh Lê Văn S trực tiếp nuôi dưỡng đến khi hai cháu đủ 18 tuổi và lao động được. Chị Phan Thị Lệ M không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng chị được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

[3] Về án phí: Anh Lê Văn S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên

lai số 0015569 ngày 02/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo nên anh đã nộp xong.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt được tính từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Võ Thị Kim Loan